TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-7-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chiểu;

Ông Hướng Duy Tùng.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nông Thị Y, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn H, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nông Thị Y đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Ông và bà Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ông quen biết với bà Y qua bạn bè giới thiệu, trước khi kết hôn ông bà có tìm hiểu nhau. Ông và bà Y có làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn xong thì ông và bà Y về ở nhà ông tại phường T, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Đến khoảng đầu năm 2024 thì

vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, dần dần hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khoảng tháng 3 năm 2024 thì bà Y bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn). Từ tháng 3 năm 2024 đến nay thì hai vợ chồng ông sống ly thân. Quá trình sống ly thân bà Y không hỏi thăm gì ông, còn chặn số điện thoại của ông. Nay ông không còn tình cảm với bà Nông Thị Y, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nông Thị Y.

- Về con chung: Ông và bà Y không có con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn bà Nông Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Bà và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn thì bà và ông H về ở nhà ông H tại phường T, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Ban đầu giữa vợ chồng bà chưa có mâu thuẫn gì. Đến khoảng đầu năm 2024 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, dần dần hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2024 thì bà bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thôn H, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Hai vợ chồng bà bắt đầu sống ly thân từ khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2024 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau, ai thích sống thế nào thì sống. Nay bà không còn tình cảm với ông Trần Văn H, ông H xin ly hôn với bà, bà đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông H không có con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung, cho vay chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật .

Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Trần Văn H được ly hôn với bà Nông Thị Y. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung, cho vay chung: Không có. Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn H có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với bị đơn bà Nông Thị Y có nơi cư trú ở Thôn H, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Do đó căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn ông Trần Văn H và bị đơn bà Nông Thị Y, tuy nhiên ông Trần Văn H và bà Nông Thị Y đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có đầy đủ lời khai. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử, giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Trần Văn H thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân, ông Trần Văn H và bà Nông Thị Y đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Ông H và bà Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn ông bà có tìm hiểu nhau. Ông H và bà Y có làm lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn xong thì ông H và bà Y về ở nhà ông H tại phường T, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Đến khoảng đầu năm 2024 thì vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, dần dần hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khoảng tháng 3 năm 2024 thì bà Y bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn). Từ tháng 3 năm 2024 đến nay thì hai vợ chồng ông sống ly thân. Quá trình sống ly thân bà Y không hỏi thăm gì ông, còn chặn số điện thoại của ông. Nay ông không còn tình cảm với bà Nông Thị Y, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nông Thị Y. Bà Nông Thị Y cũng đồng ý ly hôn với ông Trần Văn H. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông H và bà Y không đạt được. Vì vậy ông Trần Văn H xin ly hôn với bà Nông Thị Y là có căn cứ theo Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho ông Trần Văn H được ly hôn với bà Nông Thị Y.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung, cho vay chung: Không có.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0000975 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận ông Trần Văn H đã nộp đủ tiền án phí.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H, xử cho ông Trần Văn H được ly hôn với bà Nông Thị Y.

2. Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000975 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận ông Trần Văn H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn H, bị đơn bà Nông Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- UBND phường T, thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiển